Sign In

CHÍNH PHỦ
Số: 116-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 5 tháng 9 năm 1994

NGHỊ ĐỊNH
Về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

Trọng tài kinh tế là tổ chức xã hội - nghề nghiệp có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hợp đồng kinh tế; các tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau, liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể công ty; các tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu.

Điều 2.

1- Trọng tài kinh tế được tổ chức dưới hình thức Trung tâm Trọng tài kinh tế.

2- Tổ chức và hoạt động của mỗi Trung tâm Trọng tài kinh tế được xác định trong Điều lệ phù hợp với Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 3.

1- Các bên có quyền thoả thuận lựa chọn Trung tâm Trọng tài kinh tế để giải quyết tranh chấp cho mình, không phụ thuộc vào nơi đặt trụ sở hoặc nơi cư trú của các bên.

2- Trung tâm Trọng tài kinh tế chỉ nhận đơn yêu cầu giải quyết các tranh chấp kinh tế được quy định tại Điều 1 Nghị định này, nếu trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp, các bên đã có thoả thuận bằng văn bản về việc đưa vụ tranh chấp ra giải quyết tại chính Trung tâm Trọng tài kinh tế đó.

Điều 4.

Việc giải quyết tranh chấp kinh tế có thể do một Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên hoặc do một Trọng tài viên thực hiện.

Điều 5.

Quyết định giải quyết tranh chấp của Trung tâm Trọng tài kinh tế (sau đây gọi là quyết định trọng tài) có hiệu lực thi hành, không bị kháng cáo.

Điều 6.

Trọng tài viên giải quyết tranh chấp kinh tế phải tôn trọng sự thật khách quan, vô tư và đúng pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC TRUNG TÂM TRỌNG TÀI KINH TẾ

Điều 7.

1- Trung tâm Trọng tài kinh tế chỉ được phép thành lập khi có ít nhất năm Trọng tài viên là sáng lập viên.

2- Đơn xin phép thành lập Trung tâm Trọng tài kinh tế được gửi đến Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh), nơi Trung tâm Trọng tài dự định đặt trụ sở.

3- Đơn xin phép thành lập Trung tâm Trọng tài kinh tế có nội dung sau đây:

a) Họ tên, nghề nghiệp và địa chỉ của các Trọng tài viên là sáng lập viên;

b) Lĩnh vực hoạt động của Trung tâm Trọng tài kinh tế;

c) Địa điểm dự định đặt trụ sở của Trung tâm Trọng tài kinh tế;

4- Kèm theo đơn phải có:

a) Dự thảo Điều lệ của Trung tâm Trọng tài kinh tế;

b) Danh sách Trọng tài viên;

c) Sơ yếu lý lịch của sáng lập viên đã được Uỷ ban nhân dân phường, xã, thị trấn, nơi người đó thường trú xác nhận;

d) Bản sao thẻ Trọng tài viên.

Điều 8.

1- Công dân Việt Nam cư trú tại Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây thì có thể được công nhận là Trọng tài viên:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, vô tư, khách quan;

b) Có kiến thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật và kinh tế.

2- Người mất trí, người bị kết án tù mà chưa được xoá án, người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được làm Trọng tài viên.

3- Thẩm phán, kiểm sát viên không được đồng thời là Trọng tài viên.

4- Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập Hội đồng xét chọn Trọng tài viên và quy định thủ tục xét chọn Trọng tài viên và cấp thẻ Trọng tài viên theo đề nghị của Hội đồng xét chọn Trọng tài viên.

Điều 9.

1- Bộ Tư pháp là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với hoạt động của các Trung tâm Trọng tài kinh tế trong cả nước.

2- Sở Tư pháp giúp Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quản lý tổ chức, hoạt động của Trung tâm Trọng tài kinh tế tại địa phương, bao gồm các công tác chủ yếu sau đây:

a) Tiếp nhận đơn xin phép thành lập Trung tâm Trọng tài kinh tế trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

b) Báo cáo thường kỳ về hoạt động của Trung tâm Trọng tài kinh tế, đề nghị Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các biện pháp quản lý tổ chức, hoạt động của Trung tâm Trọng tài kinh tế;

c) Xem xét, đề nghị Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết các kiến nghị của Trung tâm Trọng tài kinh tế và của Trọng tài viên;

d) Đề nghị Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định đình chỉ hoạt động và thu hồi giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài kinh tế, trong trường hợp Trung tâm

Trọng tài kinh tế vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

đ) Đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định thu hồi thẻ Trọng tài viên, trong trường hợp Trọng tài viên vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Điều 10..

1- Trong thời hạn bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và quyết định cấp hoặc từ chối cấp giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài kinh tế, sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp; trong trường hợp từ chối, phải thông báo và nói rõ lý do cho đương sự.

2- Giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài kinh tế phải ghi rõ:

a) Họ, tên các Trọng tài viên là sáng lập viên;

b) Địa chỉ trụ sở; tên gọi của Trung tâm Trọng tài kinh tế;

c) Lĩnh vực hoạt động của Trung tâm Trọng tài kinh tế.

3- Thời hạn có giá trị của giấy phép là năm năm. Khi giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm Trọng tài kinh tế muốn tiếp tục hoạt động thì phải xin phép lại.

4- Khi cấp giấy phép thành lập, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đồng thời chuẩn y Điều lệ của Trung tâm Trọng tài kinh tế.

Điều 11.

1- Trung tâm Trọng tài kinh tế có Chủ tịch và Phó Chủ tịch do các Trọng tài viên của Trung tâm bầu ra.

2- Chủ tịch Trung tâm Trọng tài kinh tế chỉ định Thư ký của Trung tâm.

3- Cơ cấu tổ chức của Trung tâm Trọng tài kinh tế, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm kỳ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch được quy định trong Điều lệ của Trung tâm.

Điều 12.

1- Trung tâm Trọng tài kinh tế chấm dứt hoạt động khi:

a) Hết thời hạn đã ghi trong giấy phép;

b) Theo các điều kiện đã được thoả thuận trong Điều lệ;

c) Hết thời hạn sáu tháng kể từ khi Trung tâm không có đủ số lượng 5 Trọng tài viên mà không được bổ sung;

d) Bị thu hồi giấy phép.

2- Khi chấm dứt hoạt động, Trung tâm Trọng tài kinh tế phải nộp lại giấy phép thành lập cho cơ quan đã cấp giấy phép.

Chương III

TỐ TỤNG TRỌNG TÀI KINH TẾ

Điều 13.

1- Khi yêu cầu giải quyết tranh chấp, nguyên đơn phải gửi cho Trung tâm Trọng tài kinh tế văn bản thoả thuận của các bên về việc đưa vụ tranh chấp ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài kinh tế đó.

Đơn yêu cầu phải có nội dung sau đây:

a) Ngày, tháng, năm viết đơn;

b) Tên và địa chỉ các bên;

c) Tên Trung tâm Trọng tài kinh tế được yêu cầu giải quyết tranh chấp;

d) Tóm tắt nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết;

đ) Các biện pháp thương lượng, hoà giải mà các bên đã thực hiện nhưng không đạt kết quả;

e) Họ tên Trọng tài viên mà nguyên đơn chọn trong danh sách Trọng tài viên của Trung tâm Trọng tài kinh tế.

2- Kèm theo đơn yêu cầu, nguyên đơn phải gửi cho Trung tâm Trọng tài kinh tế các tài liệu cần thiết để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Điều 14.

1- Khi gửi đơn yêu cầu, nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng lệ phí trọng tài.

2- Lệ phí trọng tài do Trung tâm Trọng tài kinh tế ấn định theo khung lệ phí trọng tài do Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định.

3- Lệ phí trọng tài do người thua kiện trả, nếu các bên không có thoả thuận khác.

Điều 15.

1- Trong thời gian bảy ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Thư ký Trung tâm Trọng tài kinh tế phải gửi bản sao đơn yêu cầu của nguyên đơn và danh sách Trọng tài viên của Trung tâm Trọng tài kinh tế cho bị đơn.